| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 290/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2017
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Mạnh Huấn**
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Quang Khải** và ông **Lò Văn Thương**

***- Thư ký phiên tòa***: Ông **Lường Văn Đoản**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Điện Biên.

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2017/TLST - HNGĐ ngày 09/3/2017 về việc tranh chấp về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐST - HNGĐ ngày 22/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cà Thị D, sinh năm 1980
Địa chỉ: Đội 7A, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên
- *Bị đơn*: Anh Quàng Văn M, sinh năm 1977
Địa chỉ: Đội 14, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Cà Thị D trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và anh Quàng Văn M chung sống với nhau từ năm 1998, đến ngày 15/11/2002 chúng tôi mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ. Trong quá trình chung sống với nhau chúng tôi luôn sảy ra xích mích, bất hòa do anh M nghiện ngập, không chịu làm ăn lao động sản xuất. Năm 2016, tôi đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết ly hôn cho tôi với anh M nhưng tôi cố gắng níu kéo gia đình nên đã không tham gia giải quyết. Tôi và anh M đã ly thân nhau từ năm 2015, tôi chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở đội 7A, xã N, huyện Đ ở còn anh M vẫn ở đội 14, xã T. Từ khi tôi chuyển về nhà bố mẹ đẻ, chúng tôi không còn quan hệ gì nữa. Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mối quan hệ của chúng tôi không thể duy trì được nữa. Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quàng Văn M.

*Về con chung:* Tôi và anh M có hai con chung, Quàng Duy Q, sinh ngày 13/7/1999 và Quàng Thị Linh N, sinh ngày 20/02/2005. Cháu Q đã lớn, cháu N đang ở

với tôi ở N nên tôi không yêu cầu Tòa án phải giải quyết việc nuôi con chung của chúng tôi.

*Về tài sản:* Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị D cho anh M biết để anh M thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Anh M có mặt tại nơi cư trú nhưng anh không tham gia giải quyết và anh cũng không có ý kiến đối với nội dung khởi kiện của chị D.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Cà Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quàng Văn M theo nội dung đơn xin ly hôn chị D đã trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

*[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

Chị Cà Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quàng Văn M. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án. Anh M là bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú tại Đội 14, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. Chị Cà Thị D và anh Quàng Văn M đăng ký kết hôn ngày 15/11/2002. Chị D cung cấp tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T. Tại giấy xác nhận số 36/GXN-UBND ngày 21/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã T khẳng định anh M và chị D đã tiến hành đăng ký kết hôn. Căn cứ vào chứng cứ này, khẳng định anh M và chị D đã đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian giải quyết, Tòa án đã Nếu lần gửi, tống đạt, niêm yết các Thông báo văn bản tố tụng trong các phiên công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M không đến Tòa án để tham gia giải quyết. Tại phiên tòa anh Quàng Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh M.

*[2] Về hôn nhân:*

Chị D và anh M kết hôn tự nguyện, trong cuộc sống theo chị D trình bày anh M đã mắc lỗi về tệ nạn xã hội nghiện ma túy làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, để chứng minh cho trình bày của mình chị D xuất trình xác nhận của Đội 14, UBND xã T về tình trạng hôn nhân của chị với anh M. Cũng từ lý do đó nên chị D đã chuyển về gia đình bố mẹ đẻ ở xã N và ly thân với anh M từ năm 2015. Đến năm 2016, chị D đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho chị nhưng chị không tham gia giải quyết để Tòa án đình chỉ cho chị níu kéo gia đình. Đến nay nỗ lực của chị không được, chị D tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị. Căn cứ vào ý kiến xác nhận của đội 14, UBND xã T mà chị D cung cấp xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị. Hội đồng

xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị trầm trọng, mục đích cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không đạt được do chị D đã ly thân với anh M và anh M cũng không còn quan tâm gì đến chị D. Do vậy áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cà Thị D, cho chị D được ly hôn với anh Quàng Văn M.

*[2] Về con chung:* Chị D và anh M có 02 con chung Quàng Duy Q, sinh ngày 13/7/1999 và Quàng Thị Linh N, sinh ngày 20/02/2005. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

*[3] Về tài sản:* Chị Cà Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, nương. Hội đồng xét xử không xem xét.

*[4] Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTD; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTD; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

*1. Về quan hệ hôn nhân***:** Chị Cà Thị D được ly hôn anh Quàng Văn M.

*2. Về con chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*3. Về tài sản:* Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*4. Về án phí:* Chị Cà Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002504 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Cà Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/9/2017. Anh Quàng Văn M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T (Nơi chị D, anh M ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, HN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Mạnh Huấn**